



DỆT MAY VIỆT NAM VỚI QUY TẮC XUẤT XỨ TRONG HIỆP ĐỊNH EVFTA

**Hà Nội, ngày 18/4/2017
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20/4/2017**



DỆT MAY VIỆT NAM VỚI CÁC FTA

Ms. Đặng Phương Dung – Vitas
dungphuongdang@gmail.com
Tháng 4.2017

Phần 1

DỆT MAY VIỆT NAM – CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

1

Tổng quan ngành Dệt May Việt Nam

1. Tổng quan ngành Dệt May Việt Nam

1. Đóng góp 10% giá trị sản xuất công nghiệp;
2. Trên 6.000 DN, 2,5 triệu lao động, chiếm 5% tổng lượng lao động công nghiệp của Việt Nam
3. Xuất khẩu : 28.12 tỷ USD năm 2016, đứng thứ 2 và đóng góp 16% tổng giá trị kim ngạch XK cả nước
4. Top 6 trong số 153 nước xuất khẩu may thế giới sau Trung Quốc, EU, Thổ Nhĩ Kỳ, Bangladesh, Ấn Độ.
5. Kim ngạch nhập khẩu năm 2016 đạt 16.97 tỷ USD

1. Tổng quan ngành Dệt May Việt Nam - Năng lực & nhu cầu

Nguyên liệu

- Bông: sản xuất 5.000 tấn / nhu cầu 1.000.000 tấn/năm
- PSF & khác: SX 200.000 tấn/nhu cầu 400.000 tấn/năm

Keo sợi

- Số cọc sợi: 7,2 triệu
- Sản lượng: khoảng 1.250.000 tấn/năm

Dệt

- Sản lượng: 2 tỷ m²/năm

Nhuộm và hoàn tất

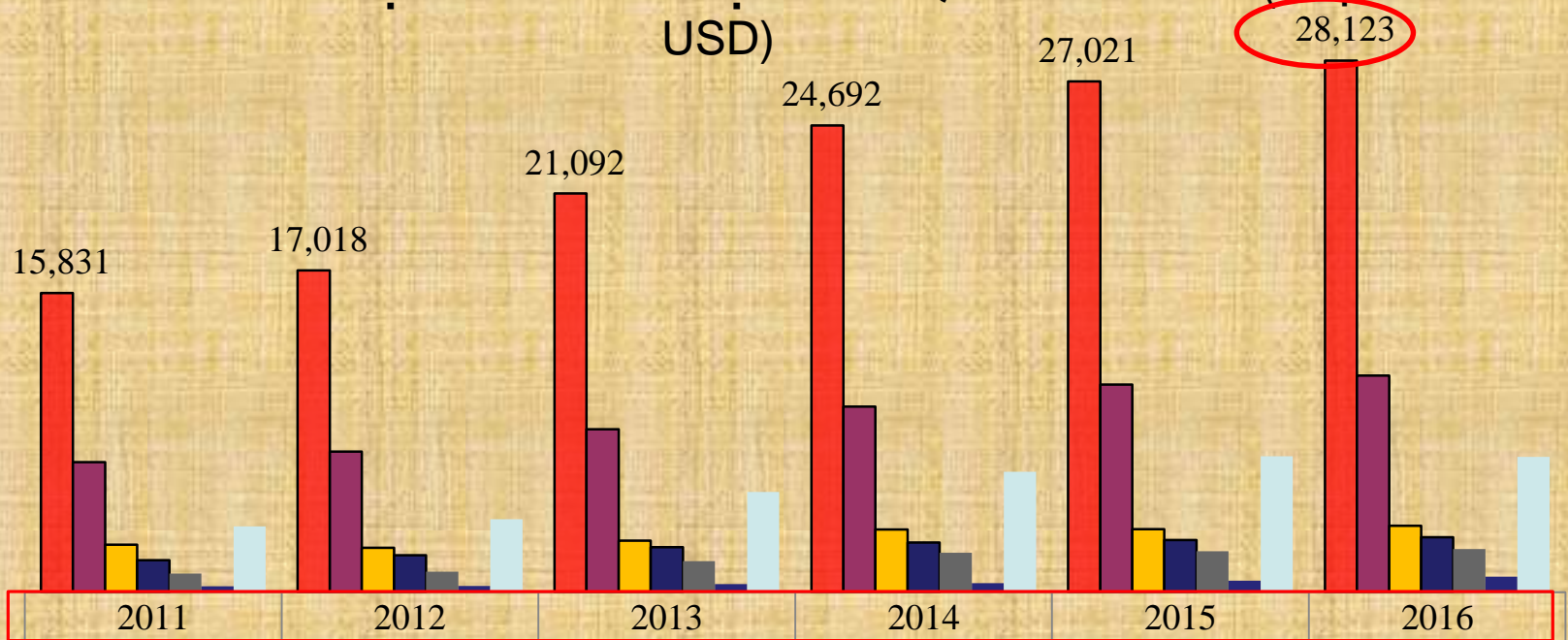
- Năng lực: trên 2 tỷ m²/năm

May

- Sản xuất gần 5 tỷ sản phẩm năm
- Sử dụng vải: 8,5 tỷ m² trong đó nhập khẩu 6,5 tỷ m²

1. Tổng quan ngành Dệt May Việt Nam

XUẤT KHẨU DỆT MAY CỦA VIỆT NAM QUA CÁC NĂM (Triệu USD)

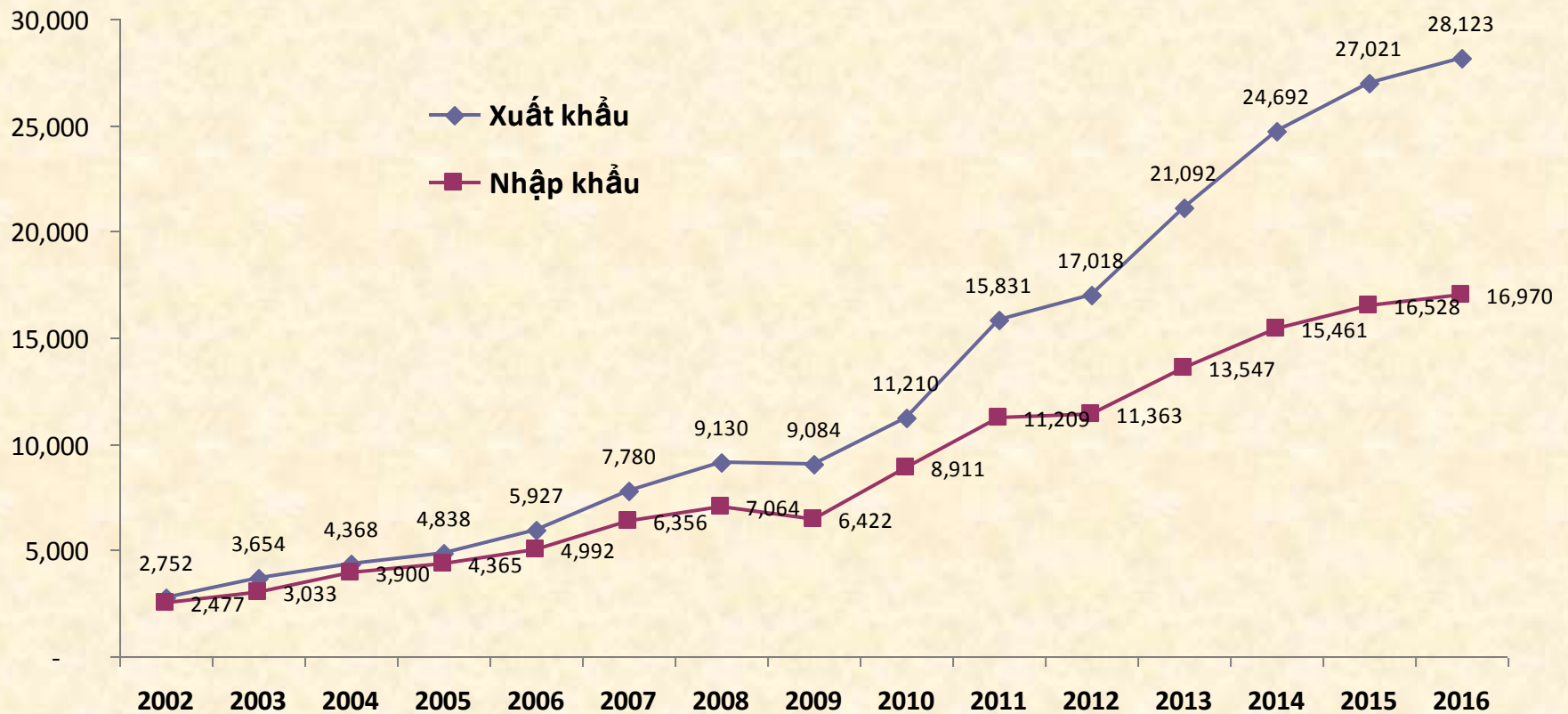


	2011	2012	2013	2014	2015	2016
■ Total	15,831	17,018	21,092	24,692	27,021	28,123
■ USA	6,872	7,428	8,612	9,820	10,984	11,450
■ EU	2,506	2,356	2,729	3,316	3,325	3,509
■ Japan	1,684	1,958	2,383	2,624	2,760	2,900
■ Korea	979	1,085	1,641	2,092	2,163	2,284
■ ASEAN	310	330	420	469	605	825
■ Others	3,480	3,861	5,307	6,371	7,184	7,155

1. Tổng quan ngành Dệt May Việt Nam

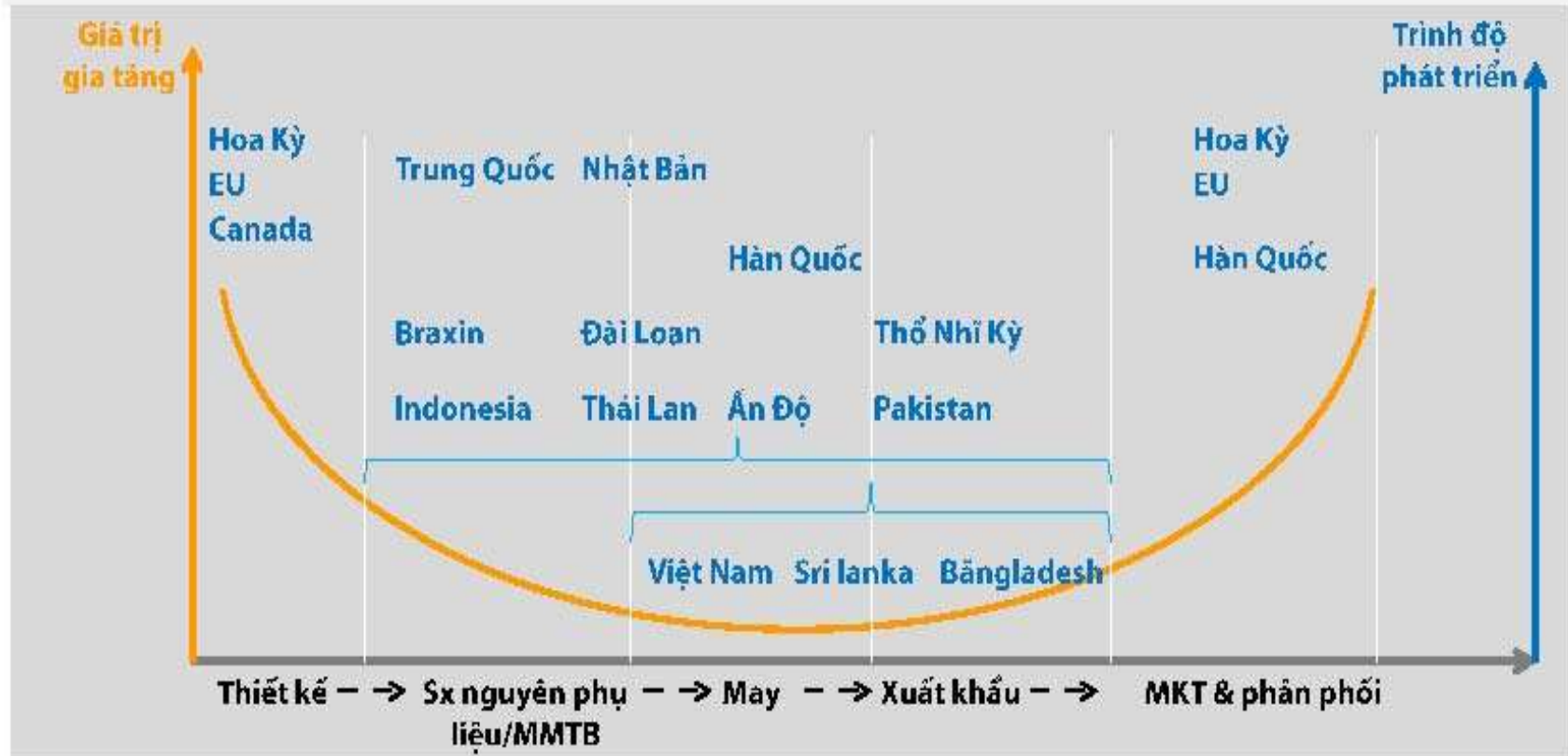
Xuất khẩu dệt may phụ thuộc nhiều vào NPL nhập khẩu (tỷ USD)

Kim ngạch xuất nhập khẩu dệt may qua các năm (triệu USD)



1. Tổng quan ngành Dệt May Việt Nam – Vị trí

- Quốc gia phát triển Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản tập trung vào khâu mang lại giá trị thặng dư cao nhất (Thiết kế, MKT & Phân phối).
- Nền kinh tế đang phát triển mới chỉ may xuất khẩu: VN, Bangladesh, Srilanka...
- Nhà thầu gia công, bán buôn tập trung tại 3 quốc gia chính: Hồng Kong, Hàn Quốc, Đài Loan kết nối các công ty sản xuất với người tiêu dùng cuối cùng.



2

Cơ hội, Thách thức trong Hội nhập

<p>ĐIỂM MẠNH:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chính sách rõ ràng của chính phủ- Sự hỗ trợ mạnh mẽ của dân chúng- Có thị trường- Có lao động tay nghề cao- Chi phí lao động tương đối thấp	<p>CƠ HỘI:</p> <ul style="list-style-type: none">- Có sự cam kết mạnh mẽ trong khu vực ASEAN- Khả năng tham gia TPP, FTA- Có sự chuyển dịch sx dệt may từ TQ sang Việt Nam
<p>ĐIỂM YẾU:</p> <ul style="list-style-type: none">-Quá phụ thuộc vào nguyên liệu, máy móc thiết bị nhập khẩu-Trình độ quản lý yếu kém-Thiếu sự kết nối trực tiếp với thị trường- Năng suất lao động thấp-Chi phí vốn quá cao	<p>THÁCH THỨC:</p> <ul style="list-style-type: none">-Cạnh tranh gay gắt từ TQ-Sự xuất hiện và thức giấc của các con hổ mới-Sự thay đổi chóng mặt của công nghệ-Những biện pháp bảo hộ mậu dịch mới của phương Tây-Thiếu năng lượng-Chi phí lao động tăng

Việt Nam ngày càng Hội nhập sâu rộng – Đó là **CƠ HỘI?**...

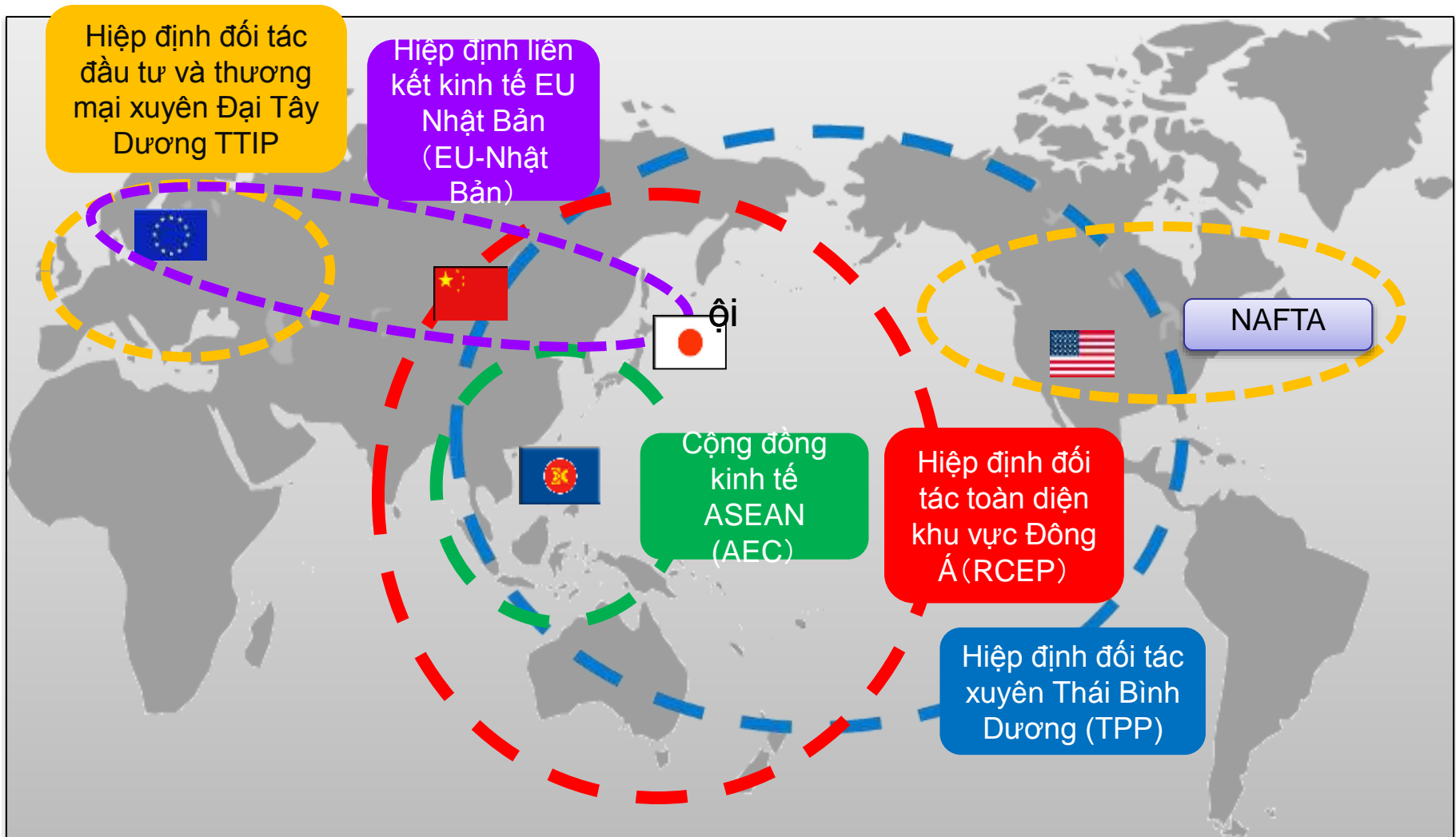
- ASEAN Trade IN GOOD AGREEMENT (ATIGA);
- ASEAN – China FTA (ACFTA);
- ASEAN – Korea FTA (AKFTA);
- ASEAN – Japan CEPA (AJCEP)
- ASEAN–Australia–New Zealand FTA (AANZFTA);
- ASEAN – India FTA (AIFTA);
- Vietnam – Japan EPA (VJEPA)
- Vietnam – Chile FTA (VCFTA)
- Vietnam – Korea FTA, VN-EAEU FTA,

Kết thúc đàm phán: VNEU FTA , TPP
Đang đàm phán: VN-EFTA, RCEP,
ASEAN-HKG

- Cơ hội tốt để tiếp cận thị trường và thu hút đầu tư nước ngoài
- Cơ hội tiếp cận kỹ năng quản lý, công nghệ kỹ thuật mới, tiên tiến, thông tin, dịch vụ;
- Thị trường nội địa gần 100 triệu dân với sức mua ngày một tăng
- DN cần phân tích cơ hội do thay đổi MTQT → điều chỉnh CLKD phù hợp

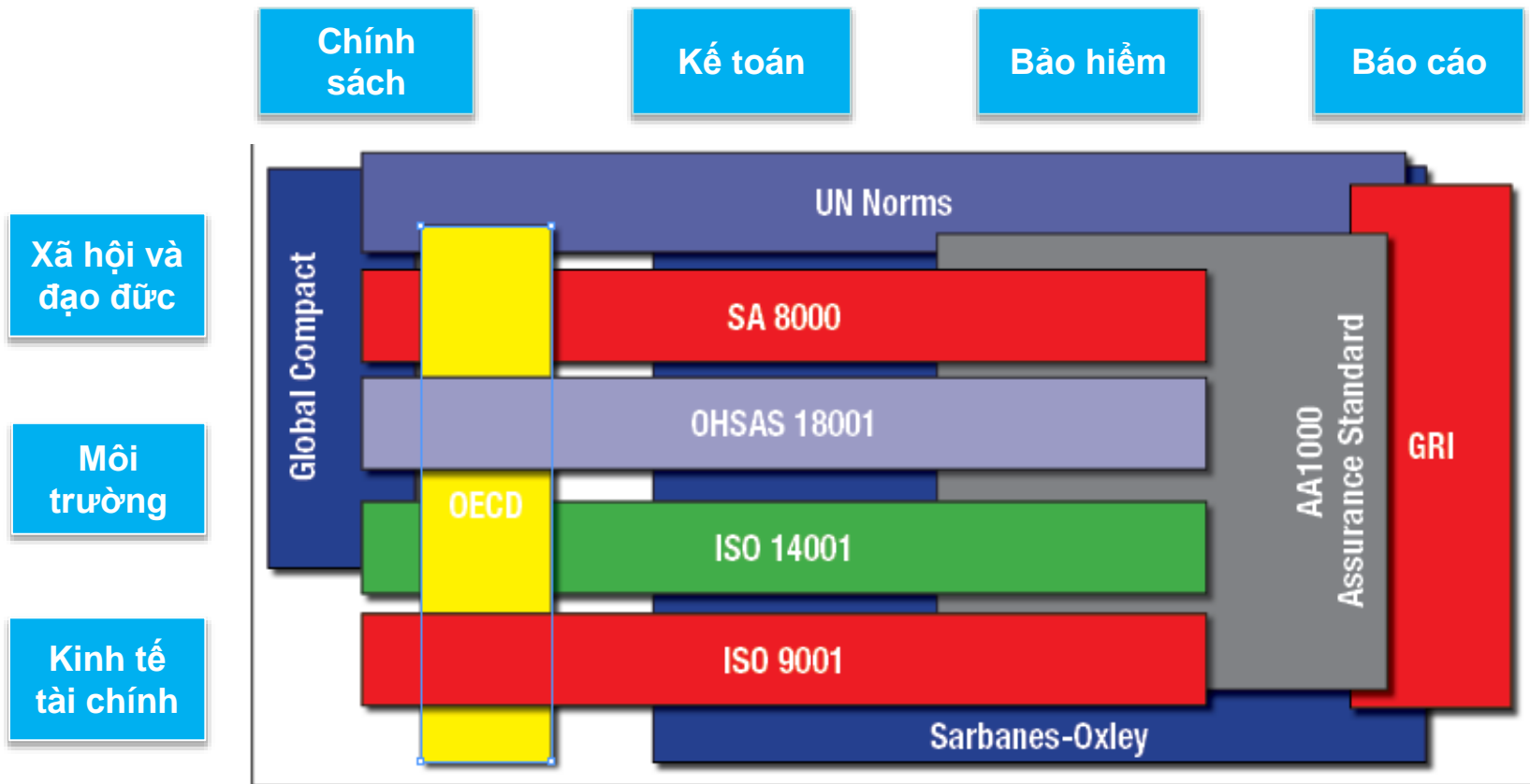
2. Cơ hội, Thách thức trong Hội nhập

Những tác động đến doanh nghiệp VN từ việc hội nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và tham gia và các FTA



2. Cơ hội, Thách thức trong Hội nhập

Các quy định lồng ghép tác động lên doanh nghiệp



Nguồn: WBCSD,
www.wbcSD.org

- Sức cạnh tranh của các DNVN còn yếu, chủ yếu là SME
- Tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu : bị động, giá trị thấp
- Các thủ tục HC của Việt Nam + Hệ thống pháp luật còn phải cải thiện nhiều
- Khả năng khai thác các ưu đãi của các FTA còn thấp
- Khả năng tuân thủ các quy định của FTA chưa cao
- Sức ép cạnh tranh của các đối thủ cạnh tranh các nước thành viên
- Áp lực cạnh tranh giữa DNVN và FDI

2. Cơ hội, Thách thức trong Hội nhập - Phụ thuộc NLNK

Mã HS của một số nguyên liệu chính	Tổng nhập khẩu (tỷ US\$)	Nhập khẩu từ TPP (tỷ US\$)	Nhập khẩu từ ngoài TPP (%)	Nhập khẩu từ EU (tỷ US\$)	Nhập khẩu từ Hàn Quốc (tỷ US\$)
Ch. 51	0.057	0.016	72%	0	0
52.01	1.422	0.6	58%	0	0
52.08	0.6	0.028	95.5%	0	0.061
54.07	1.1	0.12	89%	0	0.27
52.09	0.54	0.026	92.2%	0	0.038
54.02	0.7	0.027	96%	0	0.059
55.12	0.8	0	100%	0	0.23
55.15	0.93	0	100%	0	0.12
59.03	0.72	0.01	86%	0	0.15
60.04	0.7	0.002	99%	0.001	0.16
60.06	1.93	0.003	99%	0	0.52

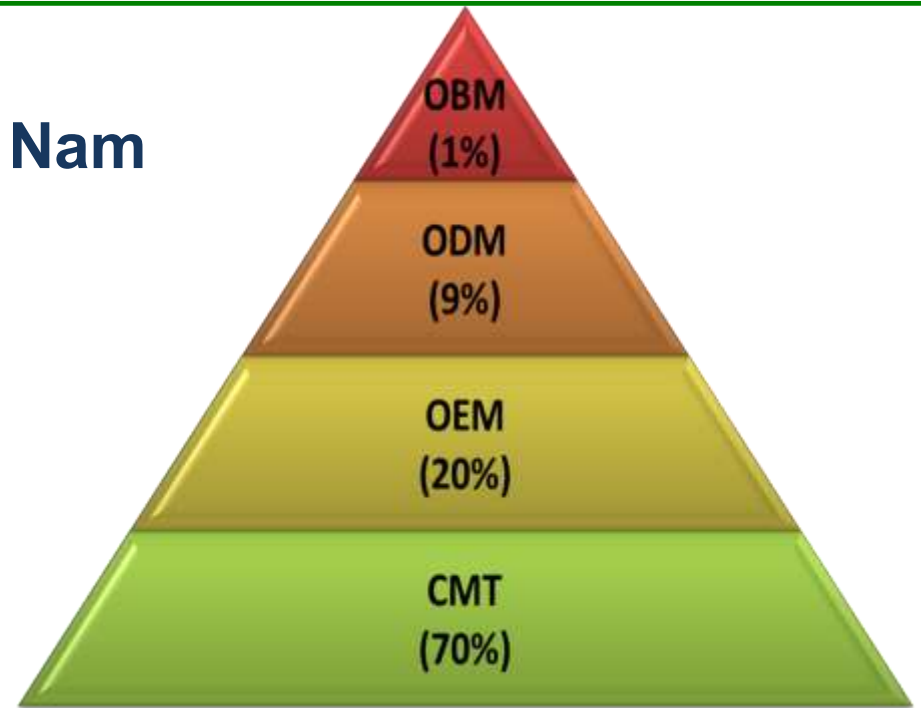
Tỷ lệ khai thác FTA còn thấp

FTA	Doanh thu XK sử dụng C/O ưu đãi (tỷ US\$)	Tổng doanh thu XK (Tỷ US\$)	Tỷ lệ khai thác FTA của Việt Nam (%)
ASEAN	4.3	18.3	23.5
ACFTA	5.5	17.1	32.2
AKFTA	5.3	8.9	59.6
AANZFTA	0.9	3.2	28.1
AJCEP + VJEPA	4.8	14.1	34
VCFTA	0.37	0.65	56.9
AIFTA	0.8	2.5	32
VEUFTA (2018)	??????		??????
TPP / Mỹ	??????	33.5	??????

2. Cơ hội, Thách thức trong Hội nhập

Các vấn đề của dệt may Việt Nam

- Phát triển mất cân đối
- Tập trung quá lớn vào xuất khẩu (85% năng lực)-CMT
- Dễ bị tổn thương
- Số lượng : lớn, quy mô nhỏ, 85% SME
- Địa bàn : rải rác trong cả nước, tuy nhiên tập trung Phần lớn khu vực tp HCM, Bình Dương, Đồng Nai.
- Chưa hình thành các cụm công nghiệp dệt may.



2. Cơ hội, Thách thức trong Hội nhập

- Lệ thuộc vải nhập khẩu (86% nhu cầu), đặc biệt là Trung Quốc (46%), tình trạng “Nút thắt cổ chai” tại khâu dệt nhuộm.
- Chất lượng vải trong nước : chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường XK chính của dệt may; Chứng loại : hạn chế
- Giá thành : cao, kém cạnh tranh
- Ngành thời trang và R & D chưa theo kịp yêu cầu
- Giá trị gia tăng thấp
- Chưa chủ động tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu
- Yêu cầu xuất xứ cao

3

Định hướng phát triển



3. Định hướng phát triển - Mục tiêu (*Quyết định 3218/QĐ-BCT*)

Mục tiêu 2015

- 1.Xơ, sợi: 1,300,000 tấn/năm;
- 2.Vải: 1.500 Tr. m2/năm;
- 3.May mặc: 4,000 tr. Sp/năm;
- 4.Xuất khẩu: 27.000 tr.US\$/năm;
- 5.Lao động : 2,5 triệu

Mục tiêu 2020

- 1.Xơ, sợi: 2.000.000 tấn/năm;
- 2.Vải: 2.000 Tr. m2/năm;
- 3.May mặc: 6.000 tr. Sp/năm;
- 4.Xuất khẩu: 46.000 tr.US\$/năm;
- 5.Lao động : 3.3 triệu.

	ĐVT	2015	2020	2030
1. Xuất khẩu	Bill USD	23-24	36-38	64-67
2. Tỷ lệ /XK cả nước	%	15-16	13-14	9-10
3. Lao động	1.000	2.5	3.3	4.4
4. Nội địa hóa	%	55	65	80

a. Quan điểm đề xuất để giúp dệt may Việt Nam phát triển trong ổn định và bền vững:

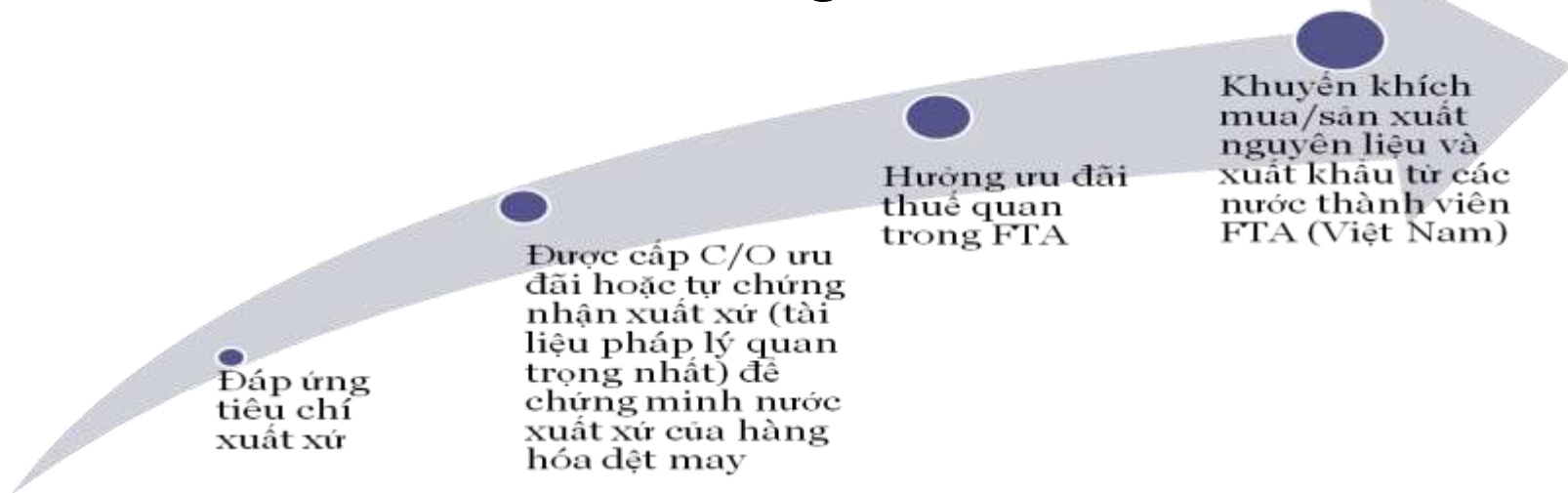
- ❖ Khai thác tối đa lợi thế từ TPP và FTA (quy tắc xuất xứ)
- ❖ Lấy giá trị gia tăng làm mục tiêu
- ❖ Chọn thị trường phù hợp
- ❖ Tăng cường phát triển công nghiệp phụ trợ, đáp ứng cho May XK



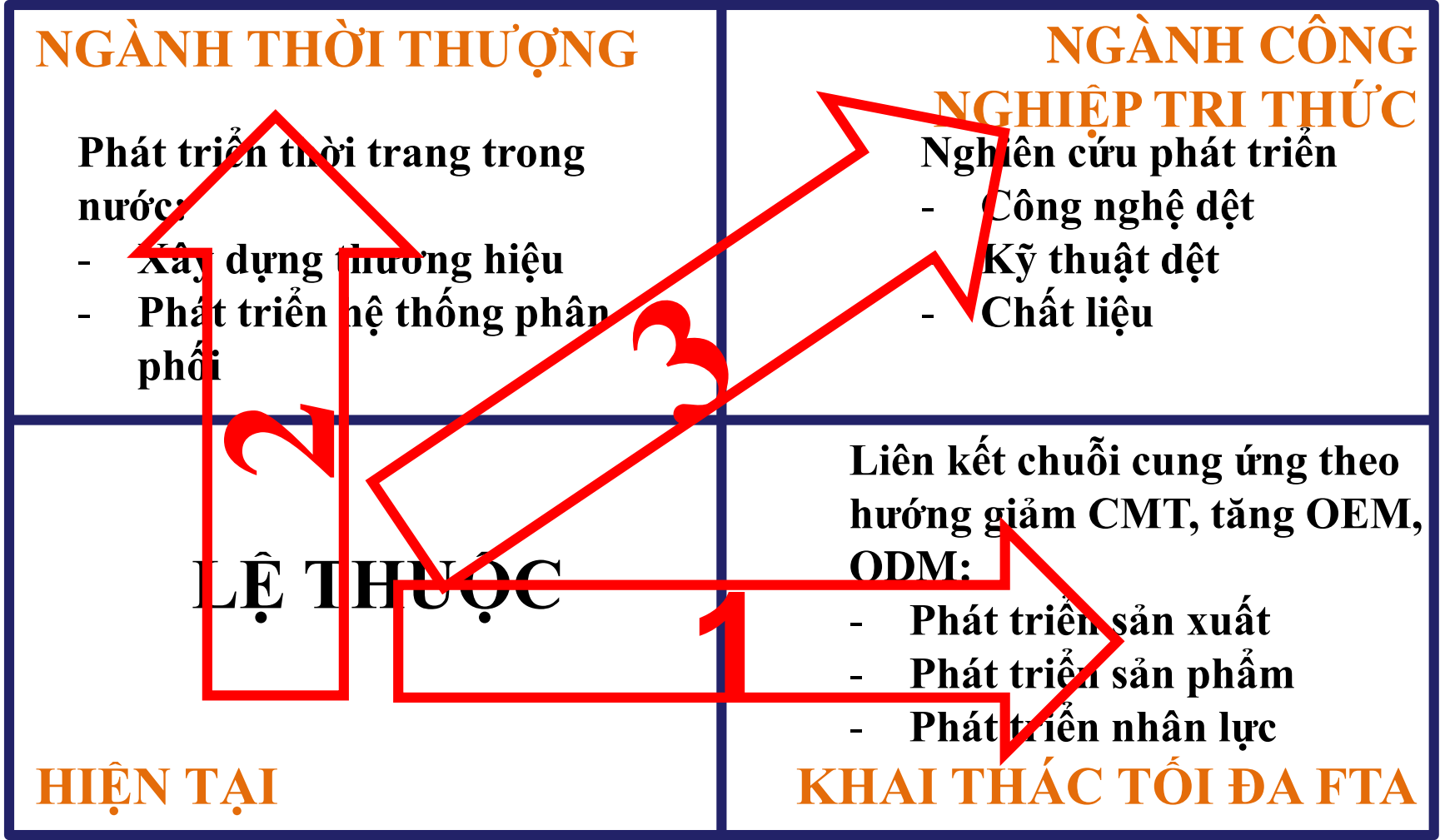
Điều gì là quan trọng nhất trong một FTA?

Thỏa thuận về thương mại hàng hóa, thể hiện qua việc cắt giảm đến xóa bỏ thuế quan về 0% theo lộ trình

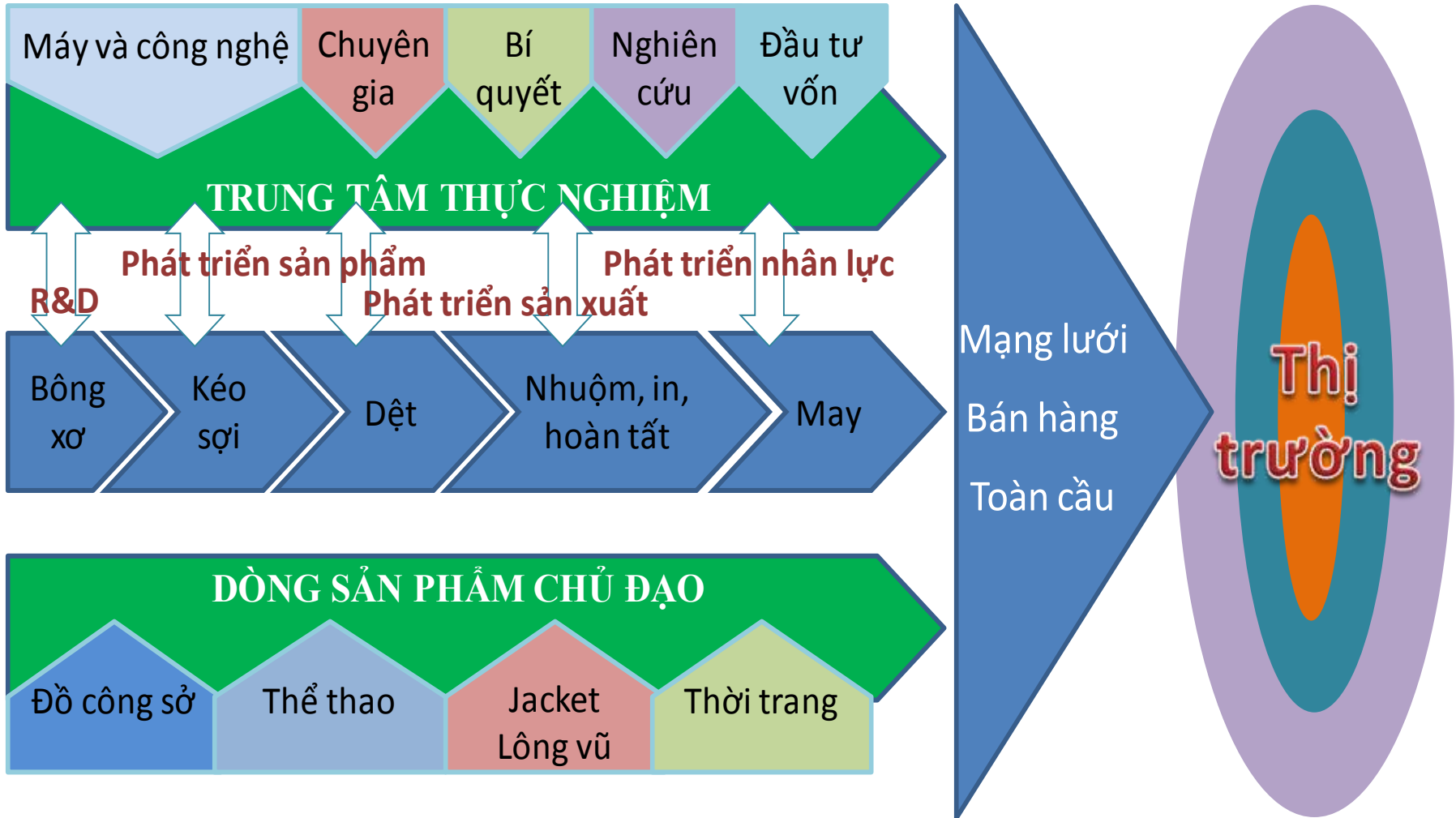
Làm thế nào để hưởng lợi từ các FTA?



Các giải pháp thúc đẩy DNDMVN tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu
Mô hình chiến lược đề xuất



Hướng triển khai - xây dựng mô hình liên kết chuỗi



3. Định hướng phát triển - Phát triển Thiết kế thời trang

- **Thiết kế và thời trang:** đỉnh cao chỉ huy của ngành dệt may toàn cầu.
- Nhật Bản lên kế hoạch 50 năm (từ 1980 đến 2030) để theo kịp thời trang thế giới.
- Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc, Singapore đều có chiến lược phát triển ngành CN thiết kế và thời trang.
- Việt Nam: lĩnh vực còn khá mới nên rất cần được quan tâm, đầu tư. Việt Nam có CN dệt may ổn định, bền vững sẽ là nền tảng căn bản cho phát triển ngành thiết kế và thời trang. Thị trường nội địa với trên 90 triệu dân cũng sẽ là bàn đạp để phát triển ngành này.

3. Định hướng phát triển - Sự chuẩn bị của doanh nghiệp

- Khai thác các Hiệp định
- Nắm bắt các quy định về C/O; Các hướng dẫn thực hiện TPP, FTA; Chủ động tận dụng nguồn cung thiếu hụt (TPP);
- Cải thiện hệ thống quản lý, sổ sách theo dõi năng lực SX, XK theo yêu cầu mới cả TPP, FTA;
- Tăng cường đầu tư vào khâu nguyên phụ liệu; nâng cao năng lực SXKD, cải thiện chất lượng sản phẩm, nâng cao năng xuất lao động, tăng sức cạnh tranh.

- Chiến lược Kinh doanh thành công.
- Mô hình kinh doanh bền vững.



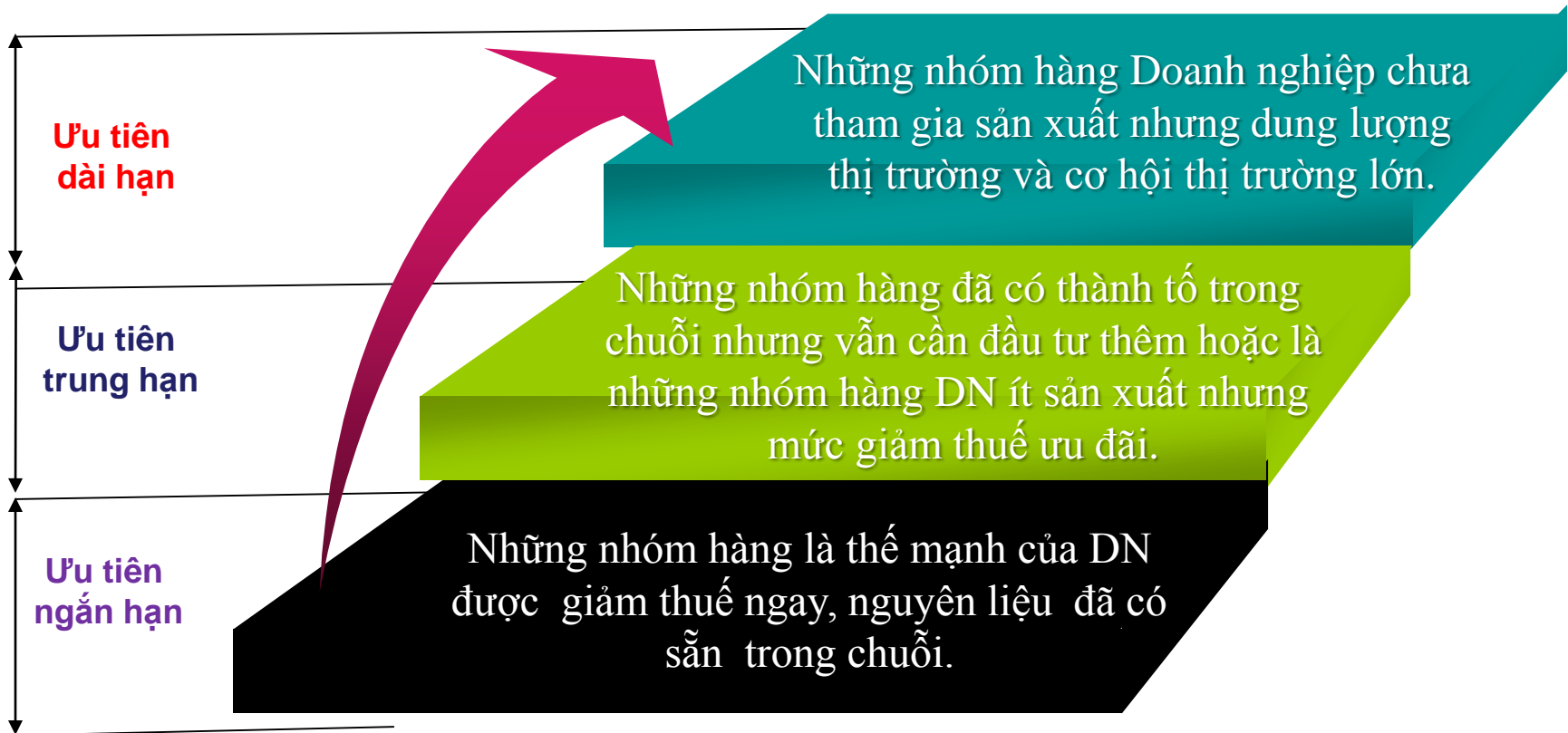
MÔ HÌNH KIM CƯƠNG CỦA MICHAEL PORTER



3. Định hướng phát triển - Sự chuẩn bị của doanh nghiệp

NỘI DUNG PHỔ BIẾN VÀ TƯ VẤN

Từ cách xác định mặt hàng ưu tiên, Hiệp hội đã tư vấn cho các doanh nghiệp về những chuẩn bị ngắn hạn, trung hạn, dài hạn:



3. Định hướng phát triển - Sự chuẩn bị của doanh nghiệp

Sự thay đổi sản phẩm theo yêu cầu

Sự thay đổi của nhu cầu tiêu dùng

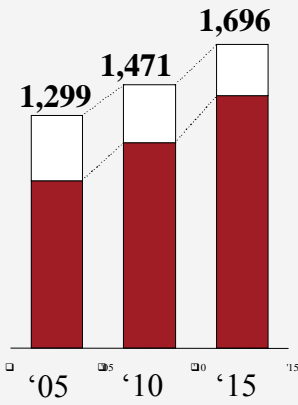
Điều tra về thời trang trên thế giới

CAGR ('05~'15)

Chất lượng

Tổng hợp

Đa dạng



SP thông thường - 2.3%

SP thời trang - 4.3%

Sự thay đổi của phong cách sống

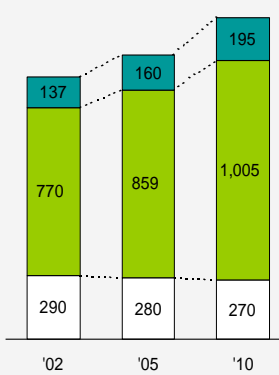
Tổng quan về SP may trên thế giới

CAGR ('05~'15)

Thư giãn

Đi du lịch

Người cao tuổi



Thể thao 4.5%

Thông dụng 3.4%

Lễ phục -0.9%

3. Định hướng phát triển - Sự chuẩn bị của doanh nghiệp

Ứng dụng của công nghệ IT vào công nghiệp Dệt

IT thay đổi
Sản xuất

- Nhanh chóng đáp ứng thị hiếu tiêu dùng



Tiếp thị

Người
Tiêu dùng

IT thay đổi
Quy trình

- Công nghệ nhuộm hoàn tất

Công nghệ SX



Máy móc kỹ thuật



Nhà máy tự động hoá

IT thay đổi
SP

- Khi nào? Ở đâu? (Ở khắp mọi nơi)

Sử dụng máy tính kỹ thuật số



3. Định hướng phát triển - Sự chuẩn bị của doanh nghiệp

Xác định môi trường KDQT vào ngành Dệt may

Thương mại

Hủy bỏ hạn ngạch

Bãi bỏ FTA

Gia nhập WTO của TQ

Quy định về nguồn gốc SP

Tự do
thương mại
đối với
SP Dệt May

MT tiềm năng

SP phải phù hợp với cơ thể

CN thiết yếu phù hợp với môi trường

Sự bảo hộ của đối với SP nội địa

Hạn chế của
môi trường
(Chứng nhận
của ECO)

3. Định hướng phát triển - Sự chuẩn bị của doanh nghiệp

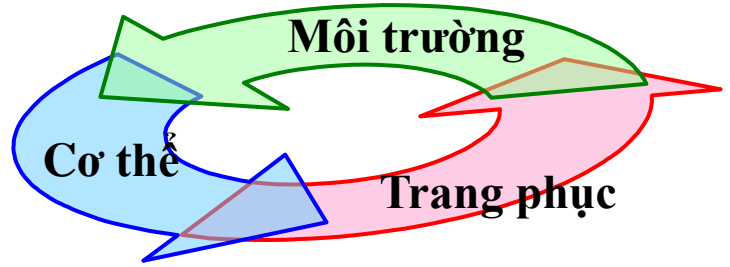
Trọng tâm của Dệt may là sự đa dạng hóa nguyên liệu

Chu kỳ biến đổi

- Người cao tuổi
- Môi trường
- Khí hậu
- Phát triển công nghệ thông tin, điện tử, công nghiệp

Vấn đề quan tâm

- Sức khỏe, vệ sinh
- Môi trường thân thiện
- Tăng tính thân thiện (Liên quan đến môi trường và sức khỏe)
- Kỹ năng cao
- Sở thích, Thời trang



- Vật liệu tốt cho sức khỏe
- Vật liệu có tính năng cao
- Vật liệu thân thiện với môi trường
- Vật liệu tiện lợi
- Vật liệu dễ sử dụng

Phần 2

DỆT MAY VIỆT NAM – VỚI YÊU CẦU TỰ CHỨNG NHẬN C/O

Cơ chế chứng nhận xuất xứ trong các FTAs

ASEAN	ASEAN với các đối tác(JP,K R, CN,AU- NZ,IN)	VN- EU FTA	VN- EFTA	TPP	VN-Hàn Quốc	VN- Liên minh hải quan	VN- Chile	VN- Nhật Bản
-CO -Tự chứng nhận theo Dự án 1&2	CO	-CO -Tự chứng nhận	Tự chứng nhận	Tự chứng nhận	-CO -Tự chứng nhận : sẽ thảo luận sau khi Hiệp định có hiệu lực (3 năm)	CO	CO	CO

VÌ SAO ÁP DỤNG CƠ CHẾ TỰ CNXX

- Xu hướng tất yếu: Là xu thế bắt buộc trong đàm phán một số Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới như FTA Việt Nam – EU, TPP, ... và nhiều nước trên thế giới áp dụng.
- Hệ thống REX của GSP cũng bắt đầu áp dụng từ 2017 và đến 2020 hoàn thiện và thực hiện tại tất cả các nước.

ASEAN ÁP DỤNG CƠ CHẾ TỰ CNXX

ASEAN: Theo lộ trình của ASEAN, Cơ chế Tự CNXX sẽ được áp dụng rộng rãi trong ASEAN năm 2015, song song với hệ thống thông thường, ASEAN đang thực hiện 2 dự án thí điểm:

+ Dự án thí điểm số 1 - SC1: Nhà xuất khẩu Tự CNXX từ 2010 với sự tham gia của Singapore, Malaysia và Brunei và sau đó là Thái Lan (2011) và Campuchia (2015).

Nhà XK tự chứng nhận xuất xứ sẽ được tham gia

+ Dự án thí điểm số 2 – SC2: Các nhà sản xuất tự CNXX từ năm 2014 với sự tham gia của Phillipin, Indonesia, Lào, và Việt Nam (2014), Thái Lan (2015).

SO SÁNH 2 QUY TRÌNH CNXX

Thông thường

Nhà xuất khẩu nộp hồ sơ xin cấp phép lên cơ quan có thẩm quyền

Cơ quan cấp kiểm tra hồ sơ nộp

Thẩm tra tại chỗ nếu thấy cần thiết

Quyết định cấp phép hoặc không cấp phép

Tự CNXX

Cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên XK lựa chọn người XK đáp ứng điều kiện để được phép tự CNXX sang các nước khác (Người XK điền vào mẫu khai theo quy định)

Danh sách thông tin về người XK đủ điều kiện của các nước thành viên tham gia sẽ thông báo tới các nước thành viên

Cơ quan Hải quan nước thành viên NK sẽ cho hưởng ưu đãi thuế quan đối với hàng hóa XK từ các nước thành viên tham gia

**TÁC ĐỘNG
CỦA TCNXX
TỚI CỘNG
ĐỒNG
DOANH
NGHIỆP**



**DOANH NGHIỆP ĐÓNG VAI TRÒ CHỦ ĐẠO
TRONG CƠ CHẾ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ**



Tự chứng nhận xuất xứ - Thuận lợi

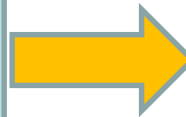
Tiết kiệm chi phí, thời gian cho nhà XK trong các FTA

Cơ chế chứng nhận truyền thống

Cơ chế tự chứng nhận

Nhà XK nộp hồ sơ cấp và nhận C/O ưu đãi từ cơ quan được Chính phủ ủy quyền:

- Từ 4 giờ làm việc lên 03 ngày làm việc để có được một C/O;
- Phí và lệ phí;
- Nhân lực để làm tất cả các thủ tục liên quan đến C/O



Nhà XK đủ điều kiện có thể tự Khai báo xuất xứ / tự chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa XK có xuất xứ; (trong TPP thậm chí cả nhà nhập khẩu cũng có quyền tự chứng nhận xuất xứ)

- Không cần phải đợi phê duyệt từ cơ quan được Chính phủ ủy quyền;
- Không có phí, lệ phí
- Tiết kiệm thời gian và chi phí

Tạo điều kiện khai thác FTA

KHÓ KHĂN

Đối với các nhà nhập khẩu/xuất khẩu hoặc nhà sản xuất:

- Ít hiểu biết về các quy tắc xuất xứ.
- Không có kinh nghiệm trong việc tự chứng nhận
- Lưu trữ hồ sơ không liền mạch: Gây khó khăn cho việc xác minh và kiểm toán
- Khó khăn trong việc đảm bảo việc TCNXX từ một nhà cung cấp lớn hoặc chống lại hoặc từ chối các yêu cầu về nguồn gốc của các khách hàng lớn.
- Chưa chủ động tham gia vào dự thảo qui chế trong việc đưa ra điều kiện để doanh nghiệp đủ điều kiện tự CNXX.
- Theo quy tắc SC2, nhà SX tự CNXX khó khăn cho người XK liên quan đến hóa đơn thương mại.

VD: Trong các FTA mà Hoa Kỳ tham gia đều áp dụng Cơ chế Tự CNXX cho phép nhà XK tự chứng nhận và tăng trách nhiệm cho nhà nhập khẩu khi muốn hưởng ưu đãi phải ràng buộc, yêu cầu nhà SX, nhà XK phải cung cấp đầy đủ thông tin liên quan.

CÁC RÀO CẢN CÓ THỂ CÓ

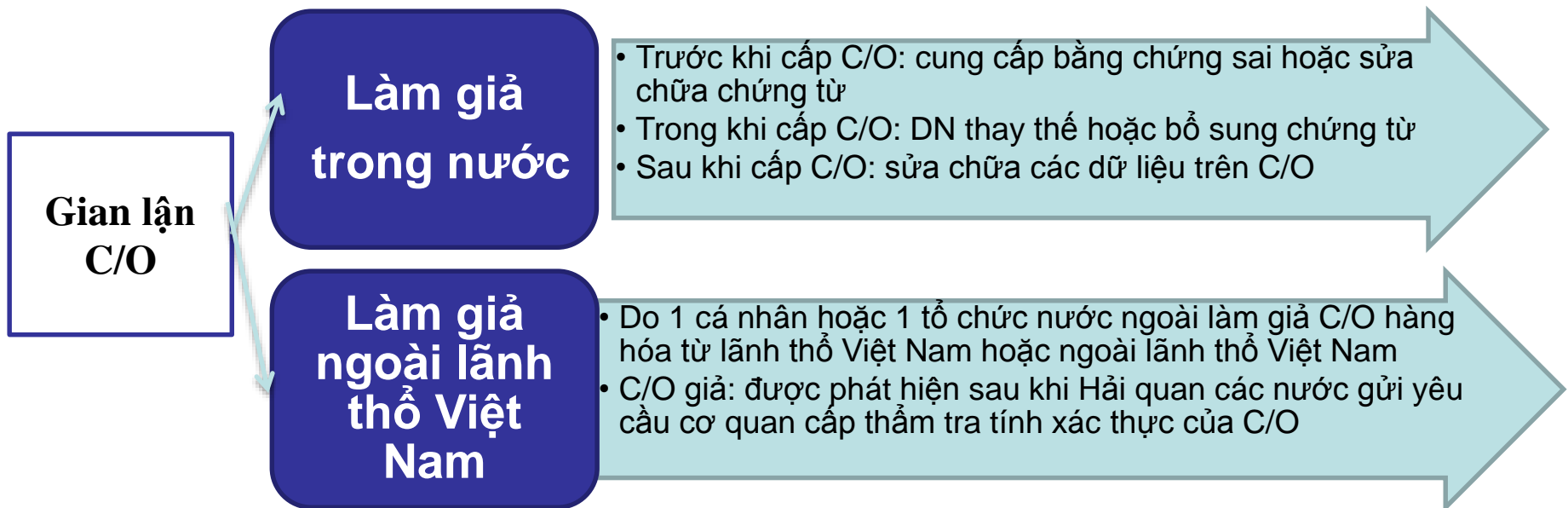
- Tăng các tuyên bố sai lệch hoặc gian lận do bất giác hoặc không tuân thủ
- Quyền hạn không phù hợp để ngăn chặn gian lận và chuyển tải
- Thiếu năng lực và sự tự tin của các cơ quan hải quan
- Không có thủ tục xác minh sau nhập khẩu và yêu cầu lưu giữ hồ sơ

**TÁC ĐỘNG
CỦA TCNXX
ĐỐI VỚI CƠ
QUAN QUẢN
LÝ NHÀ
NƯỚC**



THUẬN LỢI

- Tiết kiệm được nhân lực, các nguồn lực khác để bố trí cho việc quản lý
- Không cần phải duy trì một hệ thống các tổ chức cấp C/O tốn kém như hiện nay
- Khi phát hiện ra gian lận về xuất xứ, cơ quan nhà nước chỉ việc truy cứu trách nhiệm của nhà NK và truy thu từ họ.



KHÓ KHĂN

- Xây dựng tiêu chí chính để xác định Nhà xuất khẩu/nhập khẩu hoặc nhà sản xuất đủ điều kiện để tự CNXX cũng như quản lý việc thực hiện.
- Những rủi ro phát sinh : khả năng gian lận thương mại về xuất xứ hàng hóa, chuyển tải bất hợp pháp qua Việt Nam, mượn xuất xứ Việt Nam để hưởng ưu đãi cũng như gian lận thương mại hàng NK từ các nước khác vào Việt Nam cũng có thể xảy ra.

Nguy cơ xảy ra đối với cả hàng XK và NK

- Trách nhiệm nặng nề thuộc về hải quan trong việc kiểm tra, kiểm soát các CO được tự CNXX.

CÁC NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN GIAN LẬN THƯƠNG MẠI

- Đã ký hợp đồng và cam kết với khách hàng cung cấp được C/O
- Thường xảy ra đối với các sản phẩm tạm nhập, tái xuất qua lãnh thổ Việt Nam để hợp thức hóa chứng từ
- Nguy cơ thường vào các sản phẩm mà các nước gần Việt Nam (chủ yếu là Trung Quốc) bị áp các biện pháp hạn chế nhập khẩu (hạn ngạch, thuế chống bán phá giá và các rào cản kỹ thuật khác) vào thị trường EU, Hoa Kỳ,...
- Những nước áp dụng hạn chế nhập khẩu đối với Trung Quốc như Đài Loan: hàng nông sản.

GIAN LẬN LIÊN QUAN ĐẾN QUY TẮC XUẤT XỨ

- Quy tắc xuất xứ chuyển đổi mã HS: DN khai sai mã HS nguyên liệu đầu vào để khác với HS của thành phẩm xuất khẩu.
- Quy tắc xuất xứ tỷ lệ phần trăm: DN giải trình trị giá nguyên liệu nhập khẩu thấp hơn so với trị giá thực tế của sản phẩm nhập khẩu và nâng giá thành xuất khẩu để chứng minh giá nguyên liệu nhập khẩu thấp hơn giá xuất xưởng của SP
- Xu hướng của các nước trên thế giới chống gian lận thương mại: Về quy tắc xuất xứ chủ yếu áp dụng quy tắc Chuyển đổi mã số HS.

NHỮNG RỦI RO VÀ THIỆT HẠI

Doanh nghiệp

- Uy tín bị ảnh hưởng
- Mất bạn hàng, thị trường
- Bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội làm giả con dấu, chữ ký, chứng từ... của cơ quan có thẩm quyền

Việt Nam

Uy tín của các DN cũng ngành hàng bị ảnh hưởng trên thương trường quốc tế
Ảnh hưởng tới uy tín của Tổ cấp C/O
Sản phẩm bị loại ra Danh sách hưởng ưu đãi thuế quan: mất khả năng cạnh tranh khi xuất khẩu

VÍ DỤ

- Theo quy định của HQ Hoa Kỳ: khi phát hiện ra những trường hợp gian lận thương mại trong chuyển tải, DN Việt Nam sẽ bị đưa vào danh sách “đen” các nhà chuyển tải bất hợp pháp. Danh sách sẽ được cập nhật thường xuyên và thông báo vào tháng 3 và tháng 9 hàng năm. Danh sách “đen” này tối đa là 3 năm.
- HQ Hoa Kỳ sẽ gửi thông điệp cảnh cáo đến nhà sản xuất, gửi về cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam.
- Hoa Kỳ sẽ ngừng vận chuyển bằng tàu thủy và từ chối cho phép tàu đi. Các nhà nhập Hoa Kỳ sẽ tra cứu trong danh sách trong danh sách này trước khi ký kết hợp đồng với khách hàng các nước.

CÁC HẠN CHẾ TRONG VIỆC ÁP DỤNG TỰ CNXX

- Một số DN chưa hợp tác tốt trong việc cung cấp chứng từ, bằng chứng để chứng minh xuất xứ của sản phẩm.
- Chế tài xử phạt được quy định tại Nghị định số 185/2013/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: Mức phạt tăng nhưng chưa đủ

KHÓ KHĂN TRONG VIỆC ÁP DỤNG QTXX

QT chuyển đổi mã số hàng hóa

- Đơn giản
- Dễ thực hiện

QT tỷ lệ %

- Khó thực hiện
- Chọn đúng loại nguyên liệu
- Giá cả dễ thay đổi
- DN có thể thỏa thuận về mức giá

QT công đoạn gia công đơn giản

- Rõ ràng
- Chủ yếu áp dụng đối với hàng dệt may

KHUYẾN NGHỊ

Về phía cơ quan nhà nước:

- Xây dựng khung pháp lý cụ thể cho việc thực thi cơ chế này
- Sửa đổi, bổ sung một số luật lệ có liên quan là điều cần thiết
- Đào tạo, bồi dưỡng cho các các bộ nhà nước và doanh nghiệp
- Xây dựng tiêu chí DN được Tự CNXX để nhiều DN được tham gia:
 - ✓ Căn cứ vào sự tuân thủ pháp luật của DN
 - ✓ Căn cứ vào mặt hàng
 - ✓ Căn cứ vào tiêu chí XX
- Lưu ý hạn chế không cho tự CNXX đối với các mặt hàng nhạy cảm có nguy cơ gian lận thương mại như các mặt hàng đang áp dụng các rào cản về vệ sinh an toàn thực phẩm, thuế CBPG, trợ cấp,...
- Xây dựng các chế tài xử phạt nặng như một số nước đã áp dụng: thu hồi giấy phép đăng ký kinh doanh, phạt tiền trị giá gấp 2, 3 lần trị giá lô hàng.
- Tăng nguồn lực, hậu kiểm các nhà XK đủ điều kiện
- Áp dụng cấp C/O điện tử
- Giảm chứng từ cho DN đối với DN đáp ứng tiêu chí đó (DN tốt, DN ưu tiên)

KIẾN NGHỊ

Doanh nghiệp

- Nâng cao khả năng tự chứng nhận xuất xứ của DN, đáp ứng các tiêu chí quy định
- Nâng cao trách nhiệm tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp (Thông tư 28/2015/TT-BCT thí điểm về Tự chứng nhận xuất xứ trong ASEAN ngày 20/8/2015, hiệu lực ngày 5/10/2015)
- Nâng cao nhận thức, hiểu biết của DN về qui tắc xuất xứ

XIN CẢM ƠN

Liên hệ :

Ban quản lý Dự án EU-MUTRAP

**Phòng 1203, Tầng 12, Khu Văn phòng, Tòa tháp Hà Nội,
49 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội**

Tel: (84 - 4) 3937 8472

Fax: (84 - 4) 3937 8476

Email: mutrap@mutrap.org.vn

Website: www.mutrap.org.vn

(Tài liệu hội thảo được đăng trên trang Web này)